TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **02**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/01/2025
V/v tranh chấp về ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

Bà Nguyễn Thị Minh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp về ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị T**, sinh năm 1988.

Nơi thường trú: khu B, xã A, huyện P, tỉnh P.

Chỗ ở hiện nay: khu B, xã B, huyện P, tỉnh P.

Bị đơn: Anh **Vũ Viết N**, sinh năm 1988.

Nơi thường trú: khu B, xã A, huyện P, tỉnh P.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 25 K1 Trại giam Y- Cục C1 - Bộ C2; Địa chỉ: xã H, huyện P, tỉnh S.

(Các đương sự đều xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Đỗ Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Viết N đăng ký kết hôn ngày 28/9/2024 có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện P, tỉnh P trên cơ sở tự do tìm hiểu lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N ham mê cờ bạc và nghiện ngập ma tuý thường xuyên đánh chửi đe doạ đến tính mạng của chị. Cuối tháng 7 năm 2023 anh N bị cơ quan công an bắt về liên quan đến ma tuý. Hiện nay đã bị xét xử và đang chấp hành án tại Đội 25 K1 Trại giam Y- Cục C1 - Bộ C2; Địa chỉ: xã H, huyện P, tỉnh S. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 03 con chung là cháu Vũ Thị Thanh N1, sinh ngày 21/02/2010; cháu Vũ Thanh T1, sinh ngày 02/02/2013; cháu Vũ Minh T2, sinh ngày 02/02/2018. Khi ly hôn quan điểm của chị xin được nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với chị.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp trong thời gian sống chung: Không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Do điều kiện công việc và sức khoẻ của chị yếu, đi lại khó khăn nên chị không thể có mặt trong quá trình Toà án nhân dân huyện P giải quyết vụ án được. Chị đề nghị Toà án nhân dân huyện P không tiến hành hoà giải vụ án và tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt chị tại tất cả các buổi làm việc và tất cả các buổi xét xử vụ án giữa chị và anh N.

** Tại bản tự khai, bị đơn là anh Vũ Viết N trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với quan điểm của chị T đã trình bày về thời gian kết hôn, nơi kết hôn, quá trình chung sống cũng như mâu thuẫn của vợ chồng. Hiện anh đang chấp hành án tại Trại giam Y - Bộ C2. Nay chị T làm đơn xin ly hôn với anh. Quan điểm của anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung như chị T trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh xác định anh và chị T hông có, không đề nghị Toà án giải quyết

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết xét xử vụ án vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định của của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều

27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đỗ Thị T.

Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Vũ Viết N.

Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Thị Thanh N1, sinh ngày 21/02/2010; cháu Vũ Thanh T1, sinh ngày 02/02/2013; cháu Vũ Minh T2, sinh ngày 02/02/2018 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T do chị T tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T và anh N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh P nên Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T có quan điểm đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự và các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đỗ Thị T và anh Vũ Viết N đăng ký kết hôn ngày 28/9/2009 tại UBND xã A, huyện P, tỉnh P. Trước khi kết hôn anh, chị được tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Xét thấy chị T và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm nên là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N ham mê cờ bạc và nghiện ngập ma

tuý thường xuyên đánh chửi đe doạ đến tính mạng của chị và cuối tháng 7 năm 2023 anh N bị cơ quan công an bắt về liên quan đến ma tuý. Hiện nay đã bị xét xử và đang chấp hành án tại Đội 25 K1 Trại giam Y- Cục C1 - Bộ C2. Chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn nên chị xin được ly hôn với anh N. Anh N xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng và anh đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị T. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh N là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc phù hợp với quy định của pháp luật vì vậy cần công nhận sự thuận tình ly hôn cho anh chị là phù hợp theo quy định của điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị T xác định chị và anh N có 03 con chung là cháu Vũ Thị Thanh N1, sinh ngày 21/02/2010; cháu Vũ Thanh T1, sinh ngày 02/02/2013; cháu Vũ Minh T2, sinh ngày 02/02/2018. Khi ly hôn, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh N đồng ý với yêu cầu xin nuôi con của chị T. Như vậy, cần giao 03 con chung là cháu Vũ Thị Thanh N1; cháu Vũ Thanh T1; cháu Vũ Minh T2 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T do chị T tự nguyện không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Đỗ Thị T và anh Vũ Viết N đều xác định không có, không đề nghị giải quyết vì vậy chưa giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị T và anh N chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh tại phiên toà là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Vũ Viết N.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Thị Thanh N1, sinh ngày 21/02/2010; cháu Vũ Thanh T1, sinh ngày 02/02/2013; cháu Vũ Minh T2, sinh ngày 02/02/2018 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T do chị T tự nguyện không yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chưa giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị T, anh Vũ Viết N mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001402 ngày 11/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P. Trả lại cho chị T số tiền 225.000đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền hoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện P, tỉnh P;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã A, huyện P;
- Lưu VP, HSVA

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Việt Hưng